

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

myhd@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ sáu, ngày 6 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Thị trường âm ảm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 9/9/2019		•	
Tuần 9/9-13/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mặc dù có sự hồi phục nhẹ ngay đầu phiên, áp lực bán gia tăng ở các mã bluechips như VHM, BID, VCB, VIC đã nhanh chóng kéo VN-Index xuống dưới mốc tham chiếu trong phiên sáng. Đến phiên chiều, đã giảm được duy trì và chỉ số dễ mất ngưỡng hỗ trợ 975 điểm. Thị trường tiếp tục có phiên giao dịch âm ảm ngược chiều với thị trường chung vực với thanh khoản sụt giảm mạnh. Điểm sáng hôm nay chủ yếu đến từ động thái mua ròng mạnh của khối ngoại. Nhìn chung, thị trường vẫn sẽ tiếp tục xuất hiện những nhịp giằng co trong tuần tới cũng như các nhịp rung lắc nếu tình hình thế giới có sự biến động khó lường.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2003, các HĐTL đều tăng trái chiều với chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 06/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến âm ảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng. Trong tuần tới, thị trường chứng quyền có thể biến động mạnh khi gần tới ngày đáo hạn của các mã chứng quyền CFPT1901, CHPG1901, CHPG1903, và CPNJ1901. VIC đang tích lũy quanh vùng giá 121-123 sau khi tạo đỉnh tại mốc 125. Thanh khoản đang có xu hướng giảm báo hiệu khả năng tiếp tục điều chỉnh giảm trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng chứng quyền cổ phiếu này sẽ tiếp tục gặp áp lực giảm trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Xây dựng & Vật liệu XD_1.0%. Danh mục **Xây dựng & Vật liệu XD** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.0%**, con số này của **VNINDEX** là **-0.3%**. Đặc biệt, hôm nay có **12/14** danh mục **Chủ đề** có hiệu suất tốt hơn VNINDEX.

Phân tích kỹ thuật: SBT_Mô hình hai đáy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-2.71 điểm**, đóng cửa 974.08. HNX-Index **-0.04 điểm**, đóng cửa 100.92.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+0.41); GAS (+0.17); CTD (+0.10); MWG (+0.10); EIB (+0.07).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.88); BID (-0.50); HVN (-0.34); VCB (-0.33); HPG (-0.24).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,063.14 tỷ đồng**, **-7.59%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.86 điểm. Thị trường có 117 mã tăng và 175 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **304.46 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm AST (274.2 tỷ), NVL (24.86 tỷ) và VRE (21.11 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **0.69 tỷ đồng**.

VN-INDEX

974.08

Giá trị: 2063.14 tỷ

-2.71 (-0.28%)

Khối ngoại (ròng): 304.46 tỷ

HNX-INDEX

100.92

Giá trị: 178.66 tỷ

-0.04 (-0.04%)

Khối ngoại (ròng): -0.69 tỷ

UPCOM-INDEX

56.76

Giá trị: 294.83 tỷ

-0.04 (-0.07%)

Khối ngoại(ròng): 25.56 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.3	-0.07%
Giá vàng	1,507	-0.81%
Tỷ giá USD/VND	23,197	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,576	-0.01%
Tỷ giá JPY/VND	21,673	-0.10%
LS liên NH 1 tháng	3.9%	2.46%
LS TPCP 5 năm	3.3%	0.21%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
AST	274.2	ITC	23.1
NVL	24.9	HPG	12.1
VRE	21.1	MSN	10.4
VNM	21.0	HDB	9.5
GEX	11.7	HVN	7.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* Danh mục **Xây dựng & Vật liệu XD** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.0%**, con số này của **VNINDEX** là **-0.3%**. Đặc biệt, hôm nay có **12/14 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**.

* Đặc biệt, trong bối cảnh **VNINDEX** đi ngang, danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục cho thấy tính ổn định và an toàn:

- **16/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tháng **khả quan**
- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme **Xây dựng & Vật liệu XD_1.0%**

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Xây dựng & Vật liệu XD	1.0%	-0.2%	0.6%	-1.9%	-6.5%	-6.6%	-7.7%
Xây dựng	0.9%	-0.1%	2.6%	-3.6%	-11.6%	-11.5%	22.7%
BĐS & Khu công nghiệp	0.4%	-0.9%	3.0%	4.3%	2.3%	8.5%	61.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	-1.5%	2.5%	7.5%	4.2%	4.2%	69.1%
Hàng tiêu dùng	0.2%	-2.4%	-0.9%	3.3%	3.9%	6.8%	55.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	-1.5%	4.2%	3.5%	0.7%	3.6%	70.8%
Chiến tranh thương mại	0.0%	-2.0%	-1.4%	-3.9%	-4.2%	8.3%	10.2%
Nước & Năng lượng	-0.1%	-1.0%	1.7%	-3.0%	-1.5%	13.0%	57.2%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	-0.7%	0.7%	1.9%	-1.5%	5.9%	5.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	-2.2%	-2.0%	-3.4%	1.8%	16.7%	48.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.3%	-1.1%	1.2%	-0.5%	-3.8%	4.5%	85.1%
Ngân hàng	-0.3%	-2.0%	4.5%	10.1%	3.4%	1.5%	74.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.5%	-2.3%	-3.5%	-7.9%	-13.2%	-12.0%	37.9%
Dầu khí	-0.6%	-1.4%	0.2%	-3.6%	-1.6%	2.2%	12.3%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 10	0.4%	-1.1%	7.3%	9.0%	6.7%	8.4%	56.8%
Danh mục 2	0.2%	-1.2%	3.3%	2.4%	0.8%	4.3%	71.8%
Danh mục 15	0.2%	-1.4%	3.2%	5.3%	0.2%	4.3%	60.9%
Danh mục 11	-0.4%	-2.0%	-2.1%	-3.9%	-7.3%	-0.7%	81.6%
Danh mục 17	-0.6%	-2.3%	-2.3%	-1.9%	-3.0%	14.1%	136.8%
* Note	16/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tháng khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 22	0.6%	-1.1%	6.2%	11.4%	9.0%	5.3%	67.3%
Danh mục 24	0.4%	-0.3%	3.9%	8.9%	7.7%	7.4%	65.9%
Danh mục 19	0.2%	-1.2%	3.2%	6.3%	6.1%	12.1%	52.6%
Danh mục 23	-0.6%	-2.3%	0.3%	-0.9%	-2.7%	10.4%	119.1%
Danh mục 25	-1.0%	-3.4%	0.0%	5.6%	7.1%	33.0%	176.3%
* Note	7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng khả quan						

INDEX							
VNINDEX	-0.3%	-1.0%	0.8%	1.6%	-1.1%	1.7%	46.7%
VN30INDEX	0.0%	-0.7%	2.3%	1.9%	-3.1%	-5.9%	35.2%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

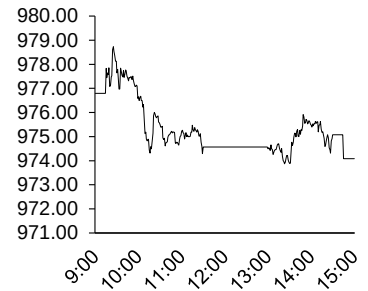
BSC RESEARCH

9/6/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

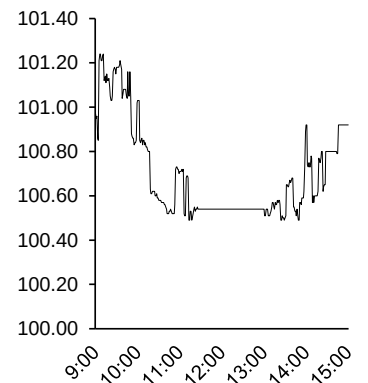
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-1.2%
Hóa chất	-1.0%
Du lịch và Giải trí	-0.9%
Ô tô và phụ tùng	-0.7%
Bảo hiểm	-0.6%
Dầu khí	-0.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.5%
Bất động sản	-0.4%
Ngân hàng	-0.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.3%
Dịch vụ tài chính	0.0%
Y tế	0.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Công nghệ Thông tin	0.5%
Bán lẻ	0.5%
Xây dựng và Vật liệu	0.8%
Truyền thông	3.2%

Nguồn: FiinPro

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 06/09/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 06/09	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.09	-0.14%	-1.09%	4.59%	-17.24%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.81	0.15%	-0.44%	3.17%	-20.51%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.54	0.71%	-8.37%	-8.51%	-20.88%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1519.06	-2.16%	-0.54%	3.07%	26.62%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.68	-4.54%	2.45%	13.63%	32.34%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	847.91	-1.51%	-0.97%	0.02%	2.56%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	464.18	1.53%	-1.19%	-4.10%	-4.49%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.90	1.59%	1.70%	1.88%	9.88%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	165.60	0.67%	6.63%	-13.30%	7.53%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.99	-0.18%	-2.14%	-6.48%	1.57%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.36	0.00%	5.66%	20.86%	-4.27%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	91.40	-2.14%	0.33%	-5.00%	-5.87%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.62	1.45%	2.27%	2.61%	-0.03%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3785.00	1.04%	3.84%	-4.18%	-14.54%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1775.00	1.26%	1.66%	0.68%	-12.99%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	90.00	0.00%	5.26%	-14.29%	32.35%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.62	1.38%	6.37%	-4.89%	-38.35%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 05/08 tăng 25 US cent lên 60.95 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 tăng 4 US cent lên 56.3 USD/thùng.
- Giá dầu tiếp tục tăng lên do dự trữ dầu thô của Mỹ giảm mạnh làm lu mờ tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu chậm lại, trong bối cảnh nghi ngờ về việc giải quyết tranh chấp thương mại Mỹ - Trung.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 2.3% xuống 1,517.2 USD/ounce, trong phiên có lúc chạm 1,509.03 USD/ounce, phiên giảm mạnh nhất trong hơn 2,5 năm. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 2.2% xuống 1,525.9 USD/ounce.
- Vàng giảm hơn 2% do số liệu kinh tế của Mỹ cao hơn so với dự kiến và kỳ vọng cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung lắng xuống đã thúc đẩy lợi suất kho bạc và giảm bớt lo ngại suy thoái kinh tế, khiến nhu cầu tài sản trú ẩn an toàn như vàng suy giảm.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên tăng 1.2% lên 647 CNY/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng phiên thứ 6 liên tiếp, sau khi chính phủ nước này cam kết sẽ thực hiện các chính sách tài chính và tiền tệ nhằm thúc đẩy nền kinh tế chậm chạp.
- Giá thép cây kỳ hạn trên sàn Thượng Hải tăng 0.7% lên 3,439 CNY/tấn. Giá thép cuộn cán nóng trên sàn Thượng Hải giảm 0.4% xuống 3,442 CNY/tấn. Bộ Thương mại Mỹ công bố sẽ áp đặt thuế đối với thép kết cấu Trung Quốc và Mexico lên đến 141% và 31% theo thứ tự lần lượt.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 1.2 US cent tương đương 1.2% xuống 95.4 US cent/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2019 giảm 38 USD tương đương 2.9% xuống 1,272 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 0.04 US cent tương đương 0.4% xuống 10.97 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn giảm 70 US cent tương đương 0.2% xuống 302.5 USD/tấn. Giá đường chạm mức thấp nhất 11 tháng xuống dưới 11 US cent/lb, do nguồn cung từ châu Á tăng mạnh và giá hợp đồng đường trắng giảm trước khi hết hiệu lực vào tuần tới.
- Tại Ấn Độ, giá gạo đồ 5% tằm ở mức 369-374 USD/tấn. Tại Thái Lan, giá gạo trắng 5% tằm giảm nhẹ xuống 410-422 USD/tấn. Giá xuất khẩu gạo Ấn Độ trong phiên vừa qua chịu áp lực giảm do đồng rupee suy yếu, trong khi đồng baht tăng mạnh đẩy giá gạo Thái Lan lên gần mức cao nhất hơn 1 năm và đắt hơn so với các đối thủ châu Á. Tại Việt Nam, giá gạo 5% tằm giảm xuống 325-330 USD/tấn, do nhu cầu yếu.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 2/2020 trên sàn TOCOM giảm 0.7 JPY (0.0066 USD) xuống 165.7 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn TOCOM tăng 0.2 JPY lên 141,2 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 55 CNY (7.75 USD) lên 12,060 CNY/tấn. Giá cao su tại Tokyo giảm do lo ngại dư cung song giá cao su kỳ hạn tăng tại Thượng Hải.

Phân tích kỹ thuật

SBT_Mô hình hai đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: hồi phục sau xu hướng giảm.
- Chỉ báo xu hướng MACD: histogram dương.
- Chỉ báo RSI: tăng dần và chưa chạm đến vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: Cổ phiếu SBT đang có tín hiệu hồi phục sau khi đã giảm giá từ đầu năm. Đáng chú ý, đường EMA12 đã cắt lên trên EMA26, xác nhận sự kết thúc của chuỗi ngày kém tích cực của cổ phiếu. Bên cạnh đó, biểu đồ nến đã tạo mô hình hai đáy hướng lên, càng củng cố vững chắc cho đà tăng trở lại của SBT. Chỉ báo MACD đang ở trạng thái tích cực, đồng thời RSI vẫn chưa đi vào vùng quá mua, thể hiện dư địa tăng vẫn còn nhiều. Dự kiến trong những phiên tới, SBT sẽ tiếp cận ngưỡng kháng cự gần nhất tại giá 18, trước khi tiến đến mục tiêu xa hơn tại vùng giá trên 20.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD: Trong 1H.19, LNTT đạt 409 tỷ và LNST đạt 352 tỷ. Như vậy, LNST Q2.2019 tăng 30%.

Cập nhật KQKD: Tiềm năng tăng trưởng ngành đường còn tiềm năng Tỷ lệ tiêu thụ đường trên đầu người của Việt Nam ở mức thấp (17.5kg/người) so với mức của thế giới (45 kg/người). Tuy nhiên, tỷ lệ tiêu thụ đường của Việt Nam tăng trưởng khá chậm

Về hiệp định ATIGA Có hiệu lực từ 1/1/2020. SBT cho rằng không có lùi việc thực hiện Hiệp định nhưng chính phủ sẽ đưa ra một số giải pháp hội nhập thông minh: vd đánh thuế lên mặt hàng đường lỏng, chỉ cho phép nhập đường thô.

Chiến lược phát triển của SBT Tiếp tục tăng trưởng thị phần (1) Ở nội địa: Chưa tìm được nhà máy phù hợp để M&A (2) Ở Lào và Campuchia: thổ nhưỡng tốt, quy mô đất đai lớn. Tập trung sản xuất đường organic và xuất khẩu thẳng sang EU (3) Vốn: chủ yếu vay từ NH và dành cho vốn lưu động

Chiến lược kinh doanh của SBT Chuyển từ Thương mại sang sản xuất (1) Tiếp tục tập trung các khách hàng công nghiệp lớn (2) Tập trung phát triển kênh SME (qua hệ thống của BHS). Các khách hàng SME thì đơn hàng < 3,000 tấn nhưng giá bán tốt và nhu cầu ổn định. Biên cho khách hàng SME tốt hơn 2% so với biên khách hàng Công nghiệp.

Chi tiết tham khảo BSC i-BROKER: Express SBT 2019Q3.

QUẠ VÀ CÁO

Hôm nay quạ cuỗm được một miếng thịt ngon liền ngậm chặt miếng thịt bay về tổ. Khi đã mệt, nó đậu trên cành cây nghỉ ngơi, mỏ vẫn cặp chặt miếng thịt.

Đúng lúc ấy, một con cáo đi ngang qua gốc cây, nhìn miếng thịt vừa to vừa béo ngậy của quạ, cáo ta thèm rỏ dãi. Ngay lập tức, nó nảy ra một kế để cướp lấy mồi ngon:

- Chào cô quạ, chúa tể của loài chim!

Quạ thấy lạ quá, định hỏi cáo nhưng chợt nhớ ra miếng thịt đang ngậm trong mỏ nên chỉ gật gật đầu tỏ ý đồng tình. Cáo đi guốc trong bụng quạ bèn ngọt nhạt:

- Biết tin cô được chọn làm vua, tôi vội đi báo tin cho cô đấy! Ai cũng đồng tình, chỉ có riêng chim khách là chê cô xu nịnh thôi.

Quạ tức tiên liền mắng luôn:

- Đồ chim khách lắm lời, ta...

Vừa mở miệng thì miếng thịt đã rơi xuống đất, lập tức bị cáo cuỗm đi mất

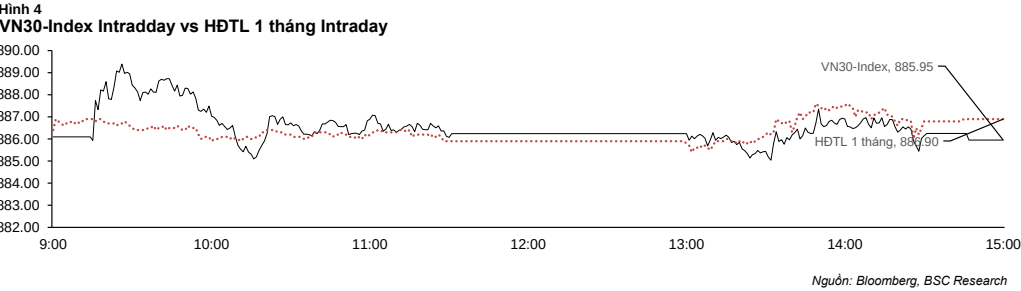
Cáo còn đắc ý cười khẩy, mắng quạ :

- Nếu mi không ưa nịnh bợ thì vài câu tán dương của ta làm sao bắt mi mở miệng ra được.

Bài học: Tìm hiểu kỹ doanh nghiệp; nắm bắt đầy đủ và chính xác thông tin, có như vậy mới chủ động được kế hoạch đầu tư tránh được tác động trong ngắn hạn của thị trường.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1909	886.90	0.10%	0.95	-11.2%	42575	9/19/2019	13
VN30F1910	886.60	0.07%	0.65	-7.4%	188	10/17/2019	41
VN30F1912	885.90	0.34%	-0.05	-49.3%	37	12/19/2019	104
VN30F2003	885.00	-0.10%	-0.95	161.9%	55	3/19/2020	195

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ 0.15 điểm xuống mức 885.95 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VIC, MSN, VCB, và BID tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 biến động vào đầu phiên, sau đó giằng co quanh vùng 885-887 điểm. Thanh khoản ở mức thấp, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư.
- Ngoại trừ VN30F2003, các HDTL đều tăng trái chiều với chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng giảm giá đang tăng dần trong trung hạn. Tuy vậy, nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CFPT1901	VND	9/11/2019	5	2:1	63,130	160.2%	2.0 triệu	19.07%	1,900	4,300	2.38%	3,964.64
CHPG1902	KIS	12/11/2019	96	5:1	58,560	302.2%	3.0 triệu	29.63%	1,000	500	2.04%	0.00
CVNM1901	KIS	12/13/2019	98	10:1	48,240	-40.9%	5.0 triệu	20.59%	1,200	700	1.45%	5.73
CVRE1901	KIS	11/14/2019	69	2:1	106,810	8.8%	2.5 triệu	28.96%	1,900	1,350	0.75%	61.00
CFPT1902	SSI	9/30/2019	24	1:1	41,790	22.1%	1.0 triệu	19.07%	3,800	8,430	0.36%	7,044.66
CMWG1901	BSC	9/9/2019	3	4:1	98,050	0.0%	1.0 triệu	19.61%	2,000	7,010	0.00%	7,183.60
CFPT1903	SSI	12/30/2019	115	1:1	51,370	127.5%	2.0 triệu	19.07%	6,000	11,800	-0.08%	7,756.84
CMWG1902	VND	12/11/2019	96	4:1	4,510	-76.5%	2.4 triệu	19.61%	2,990	8,550	-0.58%	7,031.78
CMBB1902	HSC	12/17/2019	102	1:1	303,740	61.0%	1.0 triệu	23.32%	3,200	3,040	-2.25%	1,599.59
CMWG1903	HSC	12/30/2019	115	5:1	86,100	519.4%	2.0 triệu	19.61%	2,700	5,500	-4.35%	4,688.82
CVIC1901	KIS	11/14/2019	69	5:1	2,250	-94.1%	2.0 triệu	23.01%	1,960	2,220	-5.53%	90.60
CMWG1904	SSI	9/28/2019	115	1:1	4,680	-83.1%	1.0 triệu	19.61%	14,000	32,880	-6.03%	28,358.01
CMNS1901	KIS	11/14/2019	69	5:1	21,070	53.7%	1.8 triệu	20.64%	1,920	1,500	-6.25%	142.60
CHPG1906	KIS	11/14/2019	69	2:1	2,160	-61.6%	5.0 triệu	29.63%	1,500	790	-7.06%	23.80
CHPG1905	SSI	12/30/2019	115	1:1	11,150	87.1%	1.0 triệu	29.63%	3,300	3,150	-7.35%	883.37
CMBB1901	SSI	9/28/2019	22	1:1	209,920	58.8%	3.0 triệu	20.64%	1,900	2,100	-7.49%	2,027.45
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	4	5:1	75,590	-7.8%	1.0 triệu	22.67%	1,700	710	-21.11%	470.26
CHPG1904	SSI	9/30/2019	24	1:1	99,690	75.2%	1.0 triệu	29.63%	2,200	1,000	-21.26%	150.08
CHPG1901	MBS	9/10/2019	4	2:1	283,340	3.8%	2.0 triệu	29.63%	1,200	110	-21.43%	1.84
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	6	2:1	115,560	-10.5%	1.5 triệu	29.63%	1,500	40	-50.00%	2.70

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 06/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CHPG1903 và CMBB1901 tiếp tục giảm mạnh lần lượt là 50.00% và 21.43%. Thanh khoản thị trường tăng 16.94%, CHPG1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 18% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. Trong tuần tới, thị trường chứng quyền có thể biến động mạnh khi gần tới ngày đáo hạn của các mã chứng quyền CFPT1901, CHPG1901, CHPG1903, và CPNJ1901. VIC đang tích lũy quanh vùng giá 121-123 sau khi tạo đỉnh tại mốc 125. Thanh khoản đang có xu hướng giảm báo hiệu khả năng tiếp tục điều chỉnh giảm trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng chứng quyền cổ phiếu này sẽ tiếp tục gặp áp lực giảm trong phiên tới.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	122.80	0.66	0.56
MWG	117.00	0.69	0.32
EIB	16.90	1.20	0.29
CTD	97.00	4.86	0.26
VPB	20.35	0.49	0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	21.4	-1.38	-0.69
VIC	121.1	-0.74	-0.53
MSN	74.0	-0.67	-0.33
VCB	77.3	-0.39	-0.12
BID	38.0	-1.30	-0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	117.0	0.7%	0.7	2,252	2.3	7,893	14.8	5.0	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	81.0	-0.5%	1.0	784	1.9	4,727	17.1	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	75.5	-0.7%	1.3	2,301	0.1	1,505	50.2	3.4	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.8	-1.5%	0.7	340	0.2	3,061	11.0	1.2	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	121.1	-0.7%	1.1	17,617	1.5	1,643	73.7	4.9	15.3%	8.3%
VRE	Bất động sản	34.1	0.0%	1.1	3,453	2.0	1,033	33.0	2.8	32.2%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.1	0.2%	0.8	2,512	1.9	3,579	17.3	2.9	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	35.6	0.7%	1.0	479	0.8	5,261	6.8	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.3	3.7%	1.4	346	1.3	2,944	5.2	1.2	45.9%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.1	-0.9%	1.3	466	0.4	1,997	10.6	1.1	57.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	32.3	1.3%	1.0	231	0.1	5,067	6.4	1.4	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.2	0.5%	1.5	282	0.6	1,434	14.8	1.5	56.0%	11.1%
FPT	Công nghệ	52.9	0.6%	0.8	1,560	2.6	4,349	12.2	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	46.0	0.0%	0.4	497	0.0	3,778	12.2	3.1	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.8	0.3%	1.5	8,388	0.3	6,066	16.6	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	60.6	-0.7%	1.5	3,138	0.3	3,350	18.1	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	20.5	-0.5%	1.7	426	1.2	2,397	8.6	0.7	23.4%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.1	-1.1%	0.8	1,227	0.2	1,163	7.8	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.1	-0.4%	0.5	529	0.0	4,616	20.2	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.4	-1.1%	0.7	227	0.2	853	15.7	0.7	19.5%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.5	2.3%	0.7	197	0.3	897	9.5	0.7	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	77.3	-0.4%	1.3	12,465	1.0	4,729	16.3	3.8	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	38.0	-1.3%	1.5	5,648	2.5	2,091	18.2	2.4	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	19.9	-0.3%	1.6	3,222	1.1	1,470	13.5	1.0	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	20.4	0.5%	1.2	2,174	1.9	2,989	6.8	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.6	0.0%	1.1	2,077	3.0	3,215	7.0	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	21.9	-0.5%	1.1	1,544	0.5	3,438	6.4	1.5	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	49.7	-0.6%	0.9	177	0.1	5,017	9.9	1.7	77.1%	17.1%
NTP	Nhựa	37.0	0.3%	0.3	144	0.0	4,490	8.2	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.2	1.9%	1.2	633	0.1	732	22.1	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.4	-1.4%	1.0	2,569	3.9	2,760	7.8	1.3	37.8%	19.9%
HSG	Thép	6.6	-0.6%	1.5	122	0.3	425	15.5	0.5	17.8%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	122.8	0.7%	0.8	9,297	1.7	5,465	22.5	7.5	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	266.0	0.0%	0.8	7,417	0.1	6,735	39.5	9.7	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	74.0	-0.7%	1.2	3,761	0.8	3,304	22.4	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.9	0.3%	0.5	385	1.1	542	31.1	1.5	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	79.7	-0.1%	0.8	7,544	0.4	2,630	30.3	5.7	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	130.4	0.0%	1.1	2,970	2.0	9,850	13.2	5.0	18.7%	43.3%
HVN	Vận tải	34.3	-2.4%	1.7	2,115	0.8	1,747	19.6	2.7	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.2	0.0%	0.8	364	0.6	1,888	14.9	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.7	-0.6%	0.6	217	0.4	2,435	7.3	1.2	30.2%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	83.9	3.6%	0.9	572	1.0	7,667	10.9	4.3	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.3	2.1%	0.9	376	0.6	1,327	14.5	1.3	13.2%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	0.0%	0.8	257	0.0	1,657	9.4	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	97.0	4.9%	0.8	322	0.3	13,535	7.2	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.5	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	20.6	1.2%	0.5	221	1.3	387	53.1	1.0	52.1%	1.9%
POW	Điện	12.8	-0.4%	0.6	1,303	0.1	820	15.6	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	25.2	-0.4%	0.6	315	0.0	2,241	11.2	1.8	21.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	122.80	0.66	0.41	315980.00
GAS	100.80	0.30	0.17	70560.00
CTD	97.00	4.86	0.11	66850.00
MWG	117.00	0.69	0.11	446190.00
EIB	16.90	1.20	0.07	514950.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	83.90	3.58	0.10	271400.00
SJE	25.10	9.61	0.03	1000.00
MBG	15.40	10.00	0.03	34000.00
S99	8.70	6.10	0.02	30200.00
PVX	1.50	7.14	0.02	661100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	121.10	-0.74	-0.89	280330.00
BID	38.00	-1.30	-0.51	1.53MLN
BHN	87.00	-7.15	-0.46	2790.00
HVN	34.30	-2.42	-0.36	522990.00
VCB	77.30	-0.39	-0.33	287990.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.90	-0.45	-0.17	516100.00
PVS	20.50	-0.49	-0.03	1.33MLN
PHP	11.00	-5.98	-0.02	14100.00
PVI	33.80	-1.46	-0.02	147000.00
SJ1	16.50	-9.84	-0.02	200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ITC	17.65	6.97	0.02	241650.00
HRC	38.45	6.95	0.02	860.00
VID	4.79	6.92	0.00	11410.00
AGF	3.10	6.90	0.00	1030.00
MDG	12.45	6.87	0.00	670.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.50	25.0	0.00	91500.00
BLF	2.20	10.0	0.00	1100.00
MBG	15.40	10.0	0.03	34000.00
SVN	2.20	10.0	0.00	4600.00
C69	24.30	10.0	0.02	627800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BHN	87.00	-7.15	-0.46	2790.00
CDC	13.95	-7.00	-0.01	1590.00
VSI	22.60	-7.00	-0.01	1980.00
DXV	2.66	-6.99	0.00	10.00
DTA	5.86	-6.98	0.00	6370.00

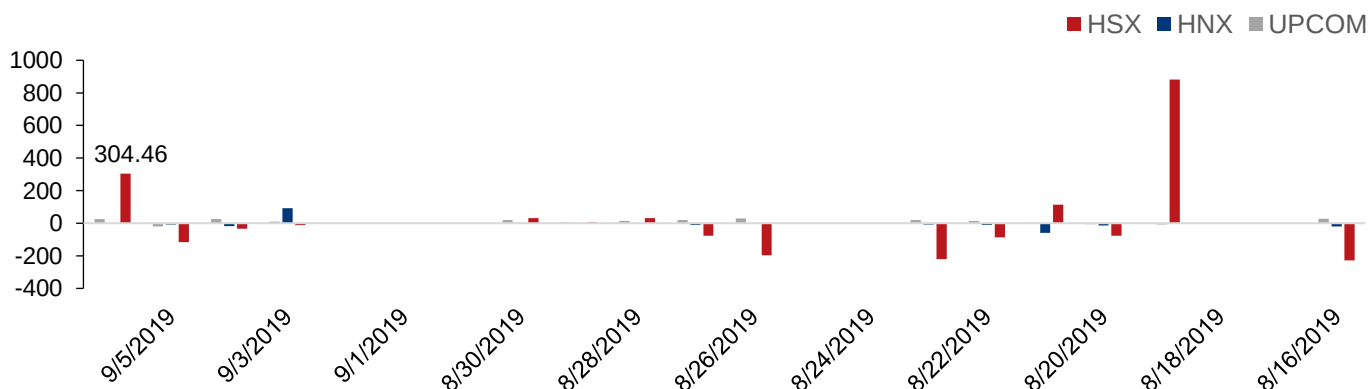
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	198400.00
HKB	0.50	-16.67	-0.01	20300.00
SPI	0.90	-10.00	0.00	88300.00
VTL	26.20	-9.97	-0.01	100.00
SJ1	16.50	-9.84	-0.02	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
6	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
12	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.2	3,705	7.6	2.0	Click
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	52.9	4,349	12.2	2.7	Click
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.0	649	21.6	1.2	Click
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	117.0	7,893	14.8	5.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	81.0	4,727	17.1	4.4	Click
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	52.1	5,276	9.9	2.8	Click
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	29.4	4,234	6.9	1.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	21.9	3,438	6.4	1.5	Click
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.7	3,181	5.6	1.5	Click
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.6	425	15.5	0.5	Click
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	41.2	4,314	9.6	2.8	Click
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	74.0	3,304	22.4	2.8	Click
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.0	7,716	20.3	10.5	Click
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.2	1,888	14.9	1.4	Click
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	117.0	7,893	14.8	5.0	Click
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	28.1	3,474	8.1	1.6	Click
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.5	1,433	5.2	0.4	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	79.8	18,865	4.2	1.6	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	21.8	1,295	16.8	1.7	Click
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	17.7	3,437	5.1	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTP). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoại vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

